

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2022/DS-PT

Ngày: 31 - 5 - 2022

V/v tranh chấp về thừa kế tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lại Văn Tùng

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Mai Hương;

Ông Nguyễn Tiến Dũng.

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Hoàng Giang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Phương Nhung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 và ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 08/2022/TLPT-DS ngày 21-3-2022 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS - ST ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 48/2022/QĐXXPT-DS ngày 05 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1959; Địa chỉ: Xóm PS, xã TĐ, huyện TN, tỉnh ND.

- *Bị đơn:* Bà Vũ Thị H1, sinh năm 1975. Nơi đăng ký HKTT: Xóm PS, xã TĐ, huyện TN, tỉnh ND. Hiện trú tại: Đội 14, xóm C xã LH, huyện TN, tỉnh ND.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Đỗ Thị M, sinh năm 1949; Địa chỉ: Xóm Hồ Thành, xã Tân Long, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An.

2. Bà Đỗ Thị H (tên gọi khác Đỗ Thị Mũn) sinh năm 1962; Địa chỉ: Xóm C xã LH, huyện TN, tỉnh ND.

3. Bà Đỗ Thị Th, sinh năm 1962; Địa chỉ: Xóm Trần Phú, xã Trung Đông, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

4. Bà Đỗ Thị Th1, sinh năm 1960; Địa chỉ: Thôn Hàm Rồng, xã Bạch Hà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

5. Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1971; Địa chỉ: Xóm 3, xã Trục Khang, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định.

6. Bà Lê Thị Th, sinh năm 1956;

7. Chị Đỗ Thị Th, sinh năm 1976;

8. Anh Đỗ Văn Chiều, sinh năm 1978;

9. Anh Đỗ Văn Tráng, sinh năm 1980;

Đều có địa chỉ: Xóm PS, xã TĐ, huyện TN, tỉnh ND.

10. Bà Nguyễn Thị Màu, sinh năm 1958;

11. Anh Đỗ Văn Hợp, sinh năm 1985;

12. Anh Đỗ Văn Thành, sinh năm 1986;

13. Chị Đỗ Thị Trang, sinh năm 1981;

14. Chị Đỗ Thị Hoà, sinh năm 1983;

Đều có địa chỉ: Xóm PS, xã TĐ, huyện TN, tỉnh ND;

15. Bà Trần Thị Thu, sinh năm 1960;

16. Anh Đỗ Văn Dũng, sinh năm 1986;

17. Chị Đỗ Thị Tú, sinh năm 1982;

18. Chị Đỗ Thị Hồng sinh năm 1984;

19. Chị Đỗ Thị Sinh, sinh năm 1988;

Đều có địa chỉ: Xóm PS, xã TĐ, huyện TN, tỉnh ND.

20. Anh Đỗ Quang Huân, sinh năm 1995;

21. Anh Đỗ Quang Hiếu, sinh năm 2006;

Nơi đăng ký HKTT: Xóm PS, xã TĐ, huyện TN, tỉnh ND. Hiện trú tại: Đội 14, xóm C xã LH, huyện TN, tỉnh ND.

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Đỗ Thị M, bà Đỗ Thị Th1, bà Đỗ Thị L, bà Lê Thị Th, chị Đỗ Thị Th, anh Đỗ Văn Chiều, anh Đỗ Văn Tráng, bà Nguyễn Thị Màu, anh Đỗ Văn Hợp, anh Đỗ Văn Thành, chị Đỗ Thị Trang, chị Đỗ Thị Hoà, bà Trần Thị Thu, anh Đỗ Văn Dũng, chị Đỗ Thị Tú, chị Đỗ Thị Hồng, chị Đỗ Thị Sinh. Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1959; Địa chỉ: Xóm PS, xã TĐ, huyện TN, tỉnh ND. (văn bản ủy quyền ngày 15-01- 2021, 02-3-2021, 05-3-2021, 10-3-2021, 20-4-2021, 07-5-2021).

- *Người kháng cáo:* Bà Đỗ Thị H là nguyên đơn, bà Vũ Thị H1 là bị đơn, anh Đỗ Quang Huân, anh Đỗ Quang Hiếu là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Tại phiên tòa: Có mặt Bà Hiền, bà Thường, bà Hường (Mũn), bà Hội. Anh Huân, anh Hiếu có mặt tại phiên tòa ngày 26-5-2022, vắng mặt khi tuyên án ngày 31-5-2022; vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn lại đã ủy quyền cho bà Hiền.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Đỗ Thị H trình bày:

Bố đẻ của bà là cụ Đỗ Văn X (Sử), khi còn sống cụ X chung sống với 02 bà vợ là cụ Nguyễn Thị T (vợ cả) và cụ Ninh Thị T1 (vợ 2). Cụ X (Sử) (chết năm 1997), cụ T1 (chết năm 1998), cụ T (chết năm 1995). Cụ X (Sử), cụ T1, cụ T, chết không có di chúc phân chia tài sản.

Cụ Đỗ Văn X (Sử) và cụ Nguyễn Thị T (vợ cả) có 02 người con là: Bà Đỗ Thị M, ông Đỗ Quang Tr.

Cụ Đỗ Văn X (Sử) và cụ Ninh Thị T1 (vợ hai) có 08 người con là: Ông Đỗ Quang Nhất, ông Đỗ Quang Nhã, bà Đỗ Thị H, bà Đỗ Thị H (Tên gọi khác Đỗ Thị Mũn), bà Đỗ Thị Th, ông Đỗ Quang Tuấn, bà Đỗ Thị Th1, bà Đỗ Thị L.

Khi còn sống cụ Nguyễn Thị T ở cùng vợ chồng ông Đỗ Quang Tr tại thửa đất 3140 tờ bản đồ số 7PL9 xã Trung Đông. Cụ Đỗ Văn X (Sử) và cụ Ninh Thị T1 ở cùng với bà Đỗ Thị H và vợ chồng ông Đỗ Quang Tuấn, bà Vũ Thị H1 tại thửa đất số 3183 tờ bản đồ số 7PL9, diện tích 120m² tại xóm Phạm Sơn xã Trung Đông, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. Trên thửa đất có ngôi nhà cấp 4 xây dựng năm 1956 và 01 gian nhà ngang mái bằng, diện tích khoảng 30m², xây dựng năm 1972.

Ngày 16-12-2008 các ông Đỗ Quang Nhất, Đỗ Quang Nhã, Đỗ Quang Tuấn lập biên bản họp gia đình thống nhất chuyển toàn bộ diện tích đất tại thửa 3183 tờ bản đồ số 7PL9 cho ông Tuấn, bà Hội quản lý sử dụng. Biên bản họp gia đình không có chữ ký của ông Trung, bà Mơ (con cụ Nguyễn Thị T) và bà Hường (Mũn), bà Hiền, bà Thường, bà Thu, bà Lượm (con cụ Ninh Thị T1). Ông Tuấn bà Hội đã làm thủ tục sang tên cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất. Ngày 25 tháng 12 năm 2008 UBND huyện Trục Ninh đã cấp GCNQĐĐ số AO 332710 cho ông Đỗ Quang Tuấn, bà Vũ Thị H1 toàn bộ diện tích đất 120m² từ tên cụ X sang tên vợ chồng ông Tuấn, bà Hội.

Bà Hiền đề nghị Tòa án nhân dân huyện Trục Ninh giải quyết: Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 332710 ngày 25-12-2008 của UBND huyện Trục Ninh đã cấp cho ông Đỗ Quang Tuấn và bà Vũ Thị H1. Yêu cầu phân chia di sản thừa kế của cụ Đỗ Văn X (Sử), cụ Ninh Thị T1 đối với diện tích 120m² đất ở tại thửa số 3183 tờ bản đồ số 7PL9 theo quy định của pháp luật. Bà Hiền đề

ngợi xin được nhận kỷ phần bằng hiện vật là nhà đất vì hiện nay bà Hiền không có chỗ ở, bà đang phải đi ở nhờ nhà bà Thường. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị M, bà Đỗ Thị Th1, bà Đỗ Thị Lượm và vợ con ông Đỗ Quang Tr, vợ con ông Đỗ Quang Nhất, vợ con ông Đỗ Quang Nhã đều có giấy ủy quyền và có ý kiến nhường kỷ phần của mình cho bà Đỗ Thị H.

* Bà Đỗ Thị H, bà Đỗ Thị Th đều xác nhận lời trình bày của bà Hiền là đúng, bà Hương, bà Thường đều đề nghị Toà án giải quyết chia thừa kế diện tích đất 120m² là di sản thừa kế của bố mẹ các bà để lại theo quy định của pháp luật, Bà Hương và bà Thường đều đề nghị được nhường kỷ phần của mình cho bà Đỗ Thị H để bà Hiền có nơi ở.

* Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, bị đơn là bà Vũ Thị H1 trình bày:

Bà Vũ Thị H1 kết hôn với ông Đỗ Quang Tuấn năm 1994. Sau khi kết hôn ông bà chung sống cùng cụ X (Sử), cụ T1 tại thửa đất số 3183 tờ bản đồ số 7PL9 Xóm PS, xã TĐ, huyện TN, tỉnh ND. Cụ Đỗ Văn X (Sử) chung sống với 02 vợ là cụ Ninh Thị T1 và cụ Nguyễn Thị T, có 10 người con như nguyên đơn trình bày. Khi còn sống cụ X (Sử) đã chia đất cho 4 người con trai, không chia cho con gái, cụ thể ông Đỗ Quang Tr được chia 01 phần đất có nguồn gốc của cha ông để lại tại Xóm PS, xã TĐ, huyện TN, tỉnh ND. Ông Đỗ Quang Nhã được bố mua cho thửa đất khác tại Xóm PS, xã TĐ, huyện TN, tỉnh ND. Ông Đỗ Quang Nhất được chia cho một phần diện tích đất phía trước thửa đất 3183 tờ bản đồ số 7PL9.

Thửa đất số 3183 tờ bản đồ số 7PL9 sau khi chia cho ông Nhất một phần thì diện tích còn là 120m². Cụ X (Sử) nói cho ông Tuấn, bà Hội sử dụng. Trong thửa đất còn có gian nhà ngang mái bằng diện tích khoảng 25-30m², khi còn sống cụ X (Sử) và cụ T1 ở, sau khi 2 cụ chết sẽ cho bà Đỗ Thị H về ở, sau này sử dụng làm từ đường. Cụ X (Sử) nói nhưng không có văn bản để lại.

Sau khi cụ T, cụ X, cụ T1 chết. Ngày 16 tháng 12 năm 2008 toàn thể các anh, chị, em trong gia đình đã họp, 8/10 người có mặt, vắng mặt bà Mơ do ở xa không về, ông Trung đi làm xa không họp nhưng có vợ là Lê Thị Th tham gia họp đã thống nhất nội dung: gian nhà ngang mái bằng diện tích khoảng 25-30m² sẽ để cho bà Hiền ở. Sau khi bà Hiền chết sẽ để làm từ đường, còn diện tích đã có nhà ở cấp 4 sẽ cho vợ chồng ông Tuấn, bà Hội quản lý sử dụng. Biên bản cuộc họp có đủ chữ ký của 03 người con trai, các chị em gái có tham gia họp nhưng không ký vào biên bản. Sau khi họp và lập biên bản, vợ chồng bà Hội đã mang biên bản họp gia đình đến nhà ông Nguyễn Thanh Tân là trưởng xóm Phạm Sơn, xã Trung Đông xin xác nhận, ông Tân đã hỏi lại ông Nhất, ông Nhã về nội dung cuộc họp sau đó đã ký xác nhận vào biên bản họp gia đình. Cùng năm 2008 ông Tuấn, bà Hội đã làm thủ tục sang tên Giấy chứng nhận QSD đất từ cụ X sang tên ông Tuấn và bà Hội với diện tích 120m² đất ở. Bà Vũ Thị H1 không đồng ý với nội dung khởi kiện yêu cầu chia thừa kế của bà Đỗ Thị H, bà Hội cho rằng khi cụ X còn sống đã chia đất cho 3

người con trai là ông Trung, ông Nhất, ông Nhã thừa đất cụ X nói là để cho vợ chồng bà. Đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Anh Đỗ Quang Huân, anh Đỗ Quang Hiếu có lời khai nhất trí với nội dung trình bày của bà Hội. Nếu anh Huân, anh Hiếu được nhận kỷ phần thì các anh xin nhận là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất gộp chung với bà Vũ Thị H1.

* Quá trình thụ lý và thu thập chứng cứ: Theo yêu cầu của các đương sự, ngày 23-6-2021 Toà án nhân dân huyện Trục Ninh đã mời các cơ quan chuyên môn theo quy định pháp luật, thẩm định định giá đất đang có tranh chấp. Kết quả đất có giá giao dịch thực tế trên thị trường là $1.500.000\text{đồng}/\text{m}^2 \times 120\text{m}^2 = 180.000.000\text{đồng}$. Tài sản trên đất gồm nhà cấp 4 xây dựng năm 1956, tường gạch đỏ, mái ngói đỏ, rộng 4,2m x dài 8,7m = $36,54\text{m}^2$ trị giá 38.565.000đồng; Hiên nhà cấp 4, rộng 1,8m x dài 5,9m = $10,62\text{m}^2$ trị giá 1.752.300đồng; Nhà mái tấm ghép (gồm 01 gian buồng + bếp) xây dựng năm 1972, dài 5,5m x rộng 3,0m = $16,5\text{m}^2$ trị giá 12.375.000đồng; nhà vệ sinh lợp Proximăng kích thước 1,5m x 4,5m = $6,75\text{m}^2$ trị giá 1.447.800đồng; bể nước $3,7\text{m}^3$ có giá trị 1.460.100đồng; sân bê tông diện tích 33m^2 giá trị 1.850.000đồng; tường rào xây tường 110 gạch đỏ dài 8,6m x cao 1,4m = $12,4\text{m}^2$ trị giá 2.528.400đồng; tường hoa trong sân dài 4,5m x cao 0,45m = $2,25\text{m}^2$ trị giá 273.375đồng; cổng thép trị giá 321.300đồng. Tổng giá trị 60.208.000đồng.

* UBND xã Trung Đông cho biết: Theo bản đồ địa chính và hồ sơ địa chính năm 1982 cụ X (Sừ) đứng tên 02 thửa đất gồm: thửa 3140 tờ bản đồ 07PL9 xã Trung Đông, diện tích 620m^2 đất. Cụ T (vợ cả) và ông Trung quản lý sử dụng. Từ năm 1991 trên bản đồ và hồ sơ địa chính xã Trung Đông mang tên ông Trung, năm 1996 đã cấp giấy CNQSD đất mang tên ông Trung. Thửa số 3183 tờ bản đồ số 7PL9 xã Trung Đông, theo bản đồ 1982 diện tích 145m^2 mang tên cụ X, trước năm 1991 cụ X đã tách cho ông Đỗ Quang Nhất 25m^2 , đến bản đồ 1991 chỉnh lý năm 1995 diện tích đất này chỉ còn 120m^2 và đã được cấp giấy CNQSD đất năm 1996 mang tên cụ X. Diện tích đất 120m^2 cụ X (Sừ) cụ T1 quản lý sử dụng và ông Tuấn, bà Hiền ở cùng với bố mẹ, đến năm 1994 ông Tuấn kết hôn với bà Hội và cùng sinh sống trên thửa đất này. Ông Nhã ở và sinh sống trên thửa đất khác không liên quan gì đến đất của cụ X. Ông Nhất mua thửa đất của bà Nga trước nhà cụ X và được ông X cho thêm 25m^2 đất.

* Phòng Tài Nguyên và Môi trường huyện, UBND huyện Trục Ninh tỉnh Nam Định cung cấp: Tại Công văn số 17/CV-TNMT ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Phòng Tài Nguyên và Môi trường huyện, Công văn số 621/UBND-TNMT ngày 05 tháng 10 năm 2021 của UBND huyện Trục Ninh đã có quan điểm: Ngày 29-3-1996 UBND huyện Nam Ninh cấp GCNQSDĐ cho cụ Đỗ Văn X thửa đất số 3183 tờ bản đồ số 7PL9 diện tích 120m^2 , đến ngày 25-12-2008 UBND huyện Trục Ninh cấp GCNQSDĐ cho ông Đỗ Quang Tuấn cùng vợ là bà Vũ Thị H1 thửa đất số 3183 tờ bản đồ số 7PL9 diện tích 120m^2 loại đất ONT, theo biên bản họp gia đình ngày 16-12-2008 của các con, cháu cụ X đã được UBND xã Trung Đông xác

nhận ngày 23-12-2008. Biên bản có xác nhận của Trưởng xóm và UBND xã Trung Đông ký đóng dấu, tuy vậy biên bản họp gia đình ngày 16-12-2008 chỉ có 03 người con trai của cụ X ký, các con còn lại của cụ X, cụ T1 chưa có chữ kí. Đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Bản án sơ thẩm số 01/2022/DS - ST ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trục Ninh đã quyết định: Căn cứ các Điều 609; 610; 611; 612; 613; Khoản 1 Điều 623; 649; 650; 651 Bộ luật dân sự; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị H về việc yêu cầu chia thừa kế đối với di sản là diện tích đất 120m² và tài sản gắn liền với đất tại thửa 3183 tờ bản đồ số 7PL9 xã Trung Đông (có nguồn gốc là của cụ Đỗ Văn X).

Giao cho bà Đỗ Thị H được quản lý sử dụng 60m², trị giá 90.000.000đồng, trên đất có tài sản là nhà cấp 4 xây dựng năm 1972 trị giá 40.317.300đồng, tổng trị giá 130.317.300đồng (một trăm ba mươi triệu, ba trăm mười bảy nghìn, ba trăm đồng). Đất có các cạnh như sau: Cạnh Đông giáp đường ngõ xóm dài 6.5 mét (4,3m + 2,2m); Cạnh Tây giáp thổ bà Xuy dài 6.5 mét (4,3+ 2,2m); Cạnh Nam giáp đất của mẹ con bà Hội dài 9,7 mét; Cạnh Bắc giáp đất từ đường họ Phạm dài 8,9 mét.

Giao cho bà Vũ Thị H1 và anh Đỗ Quang Huân, Đỗ Quang Hiếu được quản lý sử dụng 60m² trị giá 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng) có các cạnh như sau: Cạnh Đông giáp đường ngõ xóm dài 6.3 mét; Cạnh Tây giáp thổ bà Xuy dài 5.0 mét; Cạnh Nam giáp đất ông Nhất dài 10,08 mét (7,5m + 3,3m); Cạnh Bắc giáp đất bà Hiền dài 9,7 mét. Tổng diện tích 60m².

Đối với tài sản là ngôi nhà ngang mái lợp tấm lợp ghép và các công trình khác xây dựng từ năm 1972 nằm trên phần đất của bà Hiền, bà Hội, sau khi phân chia đất làm hai phần thì các tài sản đó không thể sử dụng lại được nên không xác định giá trị để phân chia, tài sản thuộc bên nào bên đó được quản lý.

(có sơ đồ kèm theo bản án)

Bà Hiền, bà Hội, anh Huân, anh Hiếu được quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo diện tích đất đã được phân chia.

Kiến nghị UBND huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định thu hồi giấy chứng nhận QSD đất số hiệu AO 332710 ngày 25-12-2008 mang tên Đỗ Quang Tuấn và Vũ Thị H1.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và biện pháp thi hành án của các đương sự.

* Tại đơn kháng cáo ngày 14-02-2022 của bà Vũ Thị H1, anh Đỗ Quang Huân, anh Đỗ Quang Hiếu kháng cáo toàn bộ bản án với nội dung, đề nghị Toà án

cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 20-01-2022 của Tòa án nhân dân huyện Trục Ninh theo quy định của pháp luật.

* Tại đơn kháng cáo ngày 22-01-2022 của bà Đỗ Thị H kháng cáo với nội dung, nguyện vọng bà Hiền muốn lấy lại mảnh đất 120m² mà cha ông bà để lại, để bà có chỗ ở, sau chết đi để lại làm nơi thờ tự để con cháu lấy lối đi về cội nguồn, đối với kỷ phần của bà Hội, bà sẽ trả bằng tiền.

* Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà Vũ Thị H1, anh Đỗ Quang Huân, anh Đỗ Quang Hiếu, bà Đỗ Thị H vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại cấp sơ thẩm và lý do kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà Hiền đồng ý nhận các kỷ phần thừa kế được tặng cho và nhận trách nhiệm nộp án phí đối với các kỷ phần này theo quy định.

Bà Đỗ Thị H, bà Đỗ Thị Th vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại cấp sơ thẩm, không chấp nhận lý do kháng cáo của bà Hội, anh Huân, anh Hiếu, đồng ý với ý kiến kháng cáo và trình bày của bà Hiền tại phiên tòa phúc thẩm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì thấy di sản của cụ Đỗ Văn X (Sử) và cụ Ninh Thị T1 để lại gồm: Thửa đất có diện tích 120 m² đất ở tại thửa đất số 3183 tờ bản đồ số 7PL9, Xóm PS, xã TĐ, huyện TN, tỉnh ND, hai cụ chết đi không để lại di chúc. Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định chia cho bà Đỗ Thị H được quản lý sử dụng 60m², trị giá 90.000.000đồng, trên đất có tài sản là nhà cấp 4 xây dựng năm 1972 trị giá 40.317.300đồng, tổng trị giá 130.317.300đồng, chia cho bà Vũ Thị H1, anh Đỗ Quang Huân, Đỗ Quang Hiếu được quản lý sử dụng 60m² trị giá 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng) là vượt quá phần giá trị tài sản được chia nhưng không buộc bà Hội, anh Huân, anh Hiếu thanh toán giá trị chênh lệch là chưa bảo đảm quyền lợi cho bà Hiền. Ngày 16-12-2008 ông Đỗ Quang Nhất, ông Đỗ Quang Nhã, ông Đỗ Quang Tuấn lập biên bản họp gia đình thống nhất chuyển toàn bộ diện tích đất tại thửa 3183 tờ bản đồ số 7PL9 cho ông Tuấn, bà Hội quản lý sử dụng, đã được chính quyền địa phương xác nhận, ông Nhất, ông Nhã đã thể hiện ý trí của mình nhường kỷ phần cho ông Tuấn, bà Hội nên vợ con các ông này không còn quyền lợi gì trong khối di sản trên, mẹ con bà Hội sẽ được hưởng kỷ phần của ông Nhã, ông Nhất, ông Tuấn. Di sản của thừa kế được chia cho 10 người con, vợ chồng ông Tuấn, bà Hội ở với các cụ có công gìn giữ, tôn tạo tài sản tương đương với giá trị một kỷ phần nên di sản sẽ được chia làm 11 kỷ phần. Những kỷ phần nhường cho bà Hiền là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội nên có cơ sở chấp nhận. Hiện nay cả hai bên đều có

nguyện vọng chia bằng hiện vật, Toà án cấp sơ thẩm đã chia bằng hiện vật cho cả hai bên đều đảm bảo điều kiện về diện tích và nhu cầu sử dụng. Do đó kháng cáo của bà Hiền, bà Hội, anh Huân, anh Hiếu không có cơ sở chấp nhận. Về án phí bà Lượm, chị Thuỷ, anh Chiều, anh Tráng không thuộc đối tượng miễn án phí nên họ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, Toà án cấp sơ thẩm không tuyên án phí đối với họ là vi phạm điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết 326 của UBTVQH. Căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS, pháp lệnh về án phí, lệ phí đề nghị sửa bản án sơ thẩm. Về án phí phúc thẩm đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà và kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của bà Đỗ Thị H, bà Vũ Thị H1, anh Đỗ Quang Huân, Đỗ Quang Hiếu làm trong thời hạn luật định phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 272; khoản 1 Điều 273; Điều 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được HĐXX chấp nhận xem xét giải quyết.

[2] Về tố tụng: Bà Đỗ Thị M, bà Đỗ Thị Th1, bà Đỗ Thị L, bà Lê Thị Th, chị Đỗ Thị Th, anh Đỗ Văn Chiều, anh Đỗ Văn Tráng, bà Nguyễn Thị Màu, anh Đỗ Văn Hợp, anh Đỗ Văn Thành, chị Đỗ Thị Trang, chị Đỗ Thị Hoà, bà Trần Thị Thu, anh Đỗ Văn Dũng, chị Đỗ Thị Tú, chị Đỗ Thị Hồng, chị Đỗ Thị Sinh đã ủy quyền cho bà Đỗ Thị H tham gia giải quyết vụ án tại Toà án các cấp nên việc vắng mặt của họ tại phiên tòa phúc thẩm không ảnh hưởng đến việc xét xử của vụ án. Vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ. Toà án cấp sơ thẩm còn có thiếu sót sau cần rút kinh nghiệm trong phần quyết định của bản án không tuyên nghĩa vụ bàn giao đất của bà Hội, anh Huân, anh Hiếu cho bà Hiền.

[3] Xét về nội dung kháng cáo của bà Vũ Thị H1, anh Đỗ Quang Huân, anh Đỗ Quang Hiếu đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 20-01-2022 của Toà án nhân dân huyện Trục Ninh theo quy định của pháp luật, bà Đỗ Thị H kháng cáo muốn lấy lại mảnh đất 120m² mà cha ông bà để lại, để bà có chỗ ở, sau chết đi để lại làm nơi thờ tự để con cháu lấy lồi đi về cội nguồn, đối với kỷ phần của bà Hội, anh Huân, anh Hiếu bà Hiền sẽ trả bằng tiền thì thấy: Cụ Đỗ Văn X (Sừ) chung sống với hai vợ là cụ Nguyễn Thị T (vợ cả) và cụ Ninh Thị T1 (vợ 2). Cụ X (Sừ) (chết năm 1997), cụ T1 (chết năm 1998), cụ T (chết năm 1995). Cụ X (Sừ), cụ T1, cụ T, chết không để lại di chúc. Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu yêu cầu chia thừa kế với bất động sản là 30 năm kể từ thời điểm mở thừa kế nên vụ án này vẫn còn thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế.

[4] Về hàng thừa kế: Cụ Đỗ Văn X (Sừ) chung sống với 02 vợ có 10 người con trong đó cụ X và cụ T có 02 người con chung là bà Đỗ Thị M và ông Đỗ Quang Tr. Cụ X và cụ T1 có 08 người con chung là ông Đỗ Quang Nhất; ông Đỗ

Quang Nhã; bà Đỗ Thị H; bà Đỗ Thị H (Tên gọi khác Đỗ Thị Mũn); bà Đỗ Thị Th; ông Đỗ Quang Tuấn; bà Đỗ Thị Th1; Bà Đỗ Thị L. Cụ X không có con nuôi, con riêng nào khác. Theo quy định tại Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015 những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ X là cụ T1, bà Mơ, ông Trung; ông Nhất; ông Nhã; bà Hiền; bà Hương; bà Thường; ông Tuấn; bà Thu; bà Lượm, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ T1 là bà ông Nhất; ông Nhã; bà Hiền; bà Hương; bà Thường; ông Tuấn; bà Thu; bà Lượm. Những người cùng hàng thừa kế đều được hưởng phần di sản bằng nhau. Do ông Trung chết năm 2018; ông Nhất chết năm 2016; ông Nhã chết năm 2009; ông Tuấn chết năm 2015, theo quy định của pháp luật thì vợ và con của ông Trung, ông Nhất, ông Nhã, ông Tuấn sẽ được hưởng phần di sản của các ông được chia. Toà án cấp sơ thẩm chưa xác định đúng diện và hàng thừa kế, chỉ xác định có một thời điểm mở thừa kế là chưa chính xác. Trong vụ án này phải xác định hai thời điểm mở thừa kế khác nhau là thời điểm mở thừa kế của cụ X chết năm 1997, thời điểm mở thừa kế của cụ T1 chết năm 1998 mới đúng quy định của pháp luật.

[5] Về nội dung: Các đương sự đều thừa nhận nguồn gốc thửa đất tranh chấp là của cụ Đỗ Văn X (Sử) và cụ Ninh Thị T1 thửa đất số 3183 tờ bản đồ số 7PL9 xã Trung Đông, theo bản đồ 1982 diện tích 145m² mang tên cụ X, thời gian trước năm 1991 cụ X đã cho ông Đỗ Quang Nhất 25 m² đất nên bản đồ 1991 chỉnh lý năm 1995 diện tích đất này chỉ còn lại 120m², đến năm 1996 UBND huyện Trục Ninh cấp giấy CNQSD đất mang tên cụ X. Diện tích đất 120m² cụ X (Sử) và cụ T1 quản lý sử dụng không liên quan gì đến thửa đất cụ T sử dụng và sinh sống trên thửa đất khác, hoàn toàn độc lập với thửa đất này, nên đã có cơ sở khẳng định thửa đất số 3183 tờ bản đồ số 7PL9 xã Trung Đông chỉ là tài sản chung giữa cụ X và cụ T1. Vì vậy, khối di sản là 120m² đất và tài sản gắn liền với thửa đất thuộc đối tượng chia thừa kế theo quy định của pháp luật. Hiện nay thửa đất này và tài sản trên đất đang do bà Vũ Thị H1 và hai con đang quản lý, sử dụng.

[6] Xét biên bản họp gia đình ngày 16 tháng 12 năm 2008 các ông Đỗ Quang Nhất, ông Đỗ Quang Nhã, ông Đỗ Quang Tuấn thống nhất chuyển toàn bộ diện tích đất tại thửa 3183 tờ bản đồ số 7PL9 cho ông Tuấn, bà Hội quản lý sử dụng, có xác nhận của ông Nguyễn Thanh Tân trưởng xóm Phạm Sơn, xã Trung Đông và xác nhận của UBND xã Trung Đông đề ngày 23 tháng 12 năm 2008. Ông Tuấn, bà Hội đã làm thủ tục sang tên, ngày 25-12-2008 UBND huyện Trục Ninh cấp giấy chứng nhận QSD đất mang tên ông Tuấn, bà Hội. UBND xã Trung Đông và UBND huyện Trục Ninh đều xác nhận biên bản họp gia đình ngày 16-12-2008 chỉ có 03 người con trai của cụ X ký, các con còn lại của cụ X không ký biên bản họp. Như vậy biên bản họp gia đình ngày 16 tháng 12 năm 2008 chỉ có giá trị một phần thể hiện ông Nhất, ông Nhã tặng cho phần của mình cho ông Tuấn. Hội đồng xét xử xét thấy ông Nhất, ông Nhã khi còn sống đã thể hiện ý chí định đoạt tài sản của mình được hưởng trước khi các ông chết nhường kỷ phần cho ông Tuấn, bà Hội. Vì vậy, vợ con ông Đỗ Quang Nhất, ông Đỗ Quang Nhã không có quyền lợi gì trong khối di sản được chia trong vụ án này. Phần di sản của các ông sẽ được

giao cho mẹ con bà Hội, anh Huân, anh Hiếu quản lý, sử dụng là phù hợp.

[7] Xem xét yêu cầu của bà Hiền đề nghị huỷ Giấy CNQSD đất số hiệu AO 332710 ngày 25-12-2008 mang tên Đỗ Quang Tuấn và Vũ Thị H1. HĐXX xét thấy việc UBND huyện Trục Ninh căn cứ biên bản họp gia đình ngày 16-12-2008 không có đầy đủ ý chí của các đồng thừa kế để làm thủ tục sang tên từ cụ X và cấp lại giấy CNQSD đất sang tên cho vợ chồng ông Tuấn, bà Hội là không đúng quy định của pháp luật. Căn cứ quy định của Luật đất đai, Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ thì việc cấp lại Giấy CNQSD đất là thủ tục hành chính trong giao dịch dân sự, không mang tính chất của quyết định hành chính cá biệt, nên không cần phải huỷ giấy chứng nhận QSD đất. Do vậy cần kiến nghị UBND huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định thu hồi giấy chứng nhận QSD đất số hiệu AO 332710 ngày 25-12-2008 mang tên Đỗ Quang Tuấn và Vũ Thị H1 như Toà án cấp sơ thẩm đã nhận định là chính xác. Trong trường hợp này không cần thiết phải tuyên huỷ Giấy CNQSD đất đã cấp cho ông Tuấn và bà Hội. Bà Vũ Thị H1 cho rằng khi cụ X còn sống đã chia đất cho 3 người con trai là ông Trung, ông Nhất, ông Nhã, thửa đất này cụ X nói là để cho vợ chồng bà. Đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà Hội chỉ có lời trình bày không có chứng cứ tài liệu gì để chứng minh nên HĐXX xét thấy lời trình bày của bà Hội không có căn cứ chấp nhận. Kháng cáo của bà Hội, anh Huân, anh Hiếu là không có cơ sở chấp nhận.

[8] Di sản thừa kế diện tích đất $120m^2$ và nhà cấp 4 xây dựng năm 1956, hiện nhà cấp 4, nhà mái tấm ghép (gồm 01 gian buồng + bếp) xây dựng năm 1972, nhà vệ sinh lợp Proximăng, bể nước, sân bê tông, tường rào xây, tường hoa trong sân, cổng thép thuộc đối tượng chia thừa kế theo quy định của pháp luật. Đối với tài sản là nhà cấp 4 xây dựng năm 1956, hiện nhà cấp 4 sẽ được chia theo quy định của pháp luật còn đối với các tài sản khác như ngôi nhà ngang mái lợp tấm lắp ghép và các công trình khác xây dựng từ năm 1972 các tài sản này giá trị sử dụng còn lại không đáng kể nên ai được chia vào phần tài sản nào thì người đó được tiếp tục quản lý, sử dụng. Hội đồng xét xử sẽ không xác định giá trị để phân chia. Di sản thừa kế của cụ X và cụ T1 sẽ được chia như sau: cụ X chết năm 1997 mở thừa kế lần thứ nhất di sản của cụ X $120m^2 : 2 = 60m^2$ sẽ được chia thành 11 phần bằng nhau cho 11 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm cụ T1 và 10 người con $60m^2 : 11 = 5,45m^2$; cụ T1 chết năm 1998 mở thừa kế lần thứ hai di sản của cụ T1 $60m^2 + 5,45m^2 = 65,45m^2$ sẽ được chia thành 9 phần bằng nhau cho 8 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ T1 và một kỷ phần cho vợ chồng ông Tuấn, bà Hội đã có công sức tôn tạo gìn giữ tài sản, công sức chăm sóc bố mẹ khi già yếu, ốm đau $65,45m^2 : 9 = 7,27m^2$. Bà Đỗ Thị M và vợ con ông Đỗ Quang Tr, bà Đỗ Thị H, bà Đỗ Thị Th, bà Đỗ Thị Th1, bà Đỗ Thị L đều có giấy uỷ quyền cho Hiền và có nguyện vọng nhường kỷ phần của mình cho bà Đỗ Thị H để bà Hiền có đất để ở. Như vậy bà Hội, anh Huân, anh Hiếu sẽ được chia $45,43m^2$, bà Hiền được chia $74,57m^2$. Xét thấy việc tặng cho tài sản của bà Mơ, bà Hương, bà Thường, bà Thu, bà Lượm và vợ con của ông Trung là hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc,

không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên sẽ được ghi nhận kỷ phần của những người này được hưởng tặng cho hết bà Hiền được quản lý, sở hữu, sử dụng là phù hợp. Tính trị giá của thửa đất tranh chấp là 180.000.000đ + trị giá nhà cấp bốn là 38.565.000đồng + hiện nhà cấp 4, trị giá 1.752.300đồng = 220.317.300. Tính giá trị phần của mẹ con bà Hội được chia là 83.376.000đ, phần bà Hiền được chia là 136.941.000đ.

[9] Xét nguyện vọng của bà Hiền và bà Hội, anh Huân, anh Hiếu đều đề nghị nhận kỷ phần bằng hiện vật, HĐXX xét thấy bà Hiền không có gia đình, hiện không có nhà đất để ở, phải đi ở nhờ. Yêu cầu này có cơ sở chấp nhận vì thửa đất này có diện tích lớn lại có một mặt tiếp giáp với đường đông của xóm, chiều rộng mặt đường và chiều dài, đảm bảo tương xứng với một diện tích sử dụng làm nhà ở được để chia cho các bên cùng sử dụng là phù hợp với các Điều 649, 650, 651, 660, 688 Bộ luật dân sự năm 2015. Như vậy thửa đất 3183 tờ bản đồ số 7PL9 xã Trung Đông, diện tích 120m² đã được Tòa án cấp sơ thẩm chia làm 02 phần bằng nhau cho bà Hiền và bà Hội, anh Huân, anh Hiếu quản lý, sử dụng là phù hợp đảm bảo nhu cầu sử dụng đất của các bên, đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tòa án cấp sơ thẩm giao cho bà Hội, anh Huân, anh Hiếu được quyền quản lý sử dụng 60m² trị giá 90.000.000đồng (chín mươi triệu đồng). Đất có các cạnh như sau: Cạnh Đông giáp đường ngõ xóm dài 6.3 mét; Cạnh Tây giáp thửa bà Xuy dài 5.0 mét; Cạnh Nam giáp đất ông Nhất dài 10,08 mét (7,5m + 3,3m); Cạnh Bắc giáp đất bà Hiền dài 9,7 mét. Phần giá trị vượt quá mẹ con bà Hội, anh Huân, anh Hiếu phải có trách nhiệm thanh toán chênh lệch cho bà Hiền 90.000.000đồng - 83.376.000đ = 6.624.000đ. Giao cho bà Hiền được quản lý sử dụng 60m² trị giá 90.000.000đồng, trên đất có ngôi nhà cấp 4 xây dựng năm 1956 còn sử dụng được có trị giá 38.565.000đồng, hiện nhà cấp 4 trị giá 1.752.300 đồng, tổng trị giá 130.317.300đồng (một trăm ba mươi triệu, ba trăm mười bảy ngàn, ba trăm đồng). Đất có các cạnh như sau: Cạnh Đông giáp đường ngõ xóm dài 6.5 mét (4,3m + 2,2m); Cạnh Tây giáp thửa bà Xuy dài 6.5 mét (4,3+ 2,2m); Cạnh Nam giáp đất của mẹ con bà Hội dài 9,7 mét; Cạnh Bắc giáp đất từ đường họ Phạm dài 8,9 mét. Bà Hiền được nhận ở mẹ con bà Hội, anh Huân, anh Hiếu số tiền chênh lệch còn thiếu 6.624.000đ là hoàn toàn phù hợp. (có sơ đồ kèm theo bản án).

[10] Kiến nghị UBND huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định thu hồi giấy chứng nhận QSD đất số hiệu AO 332710 ngày 25-12-2008 mang tên Đỗ Quang Tuấn và Vũ Thị H1.

[11] Qua những phân tích nêu trên đã cho thấy những kết luận trong bản án sơ thẩm là chưa phù hợp với những quy định của pháp luật, quyền và lợi ích hợp pháp của bà Hiền được pháp luật bảo vệ bị xâm hại, Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng đúng các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án, cụ thể Tòa án giao cho mẹ con bà Hội được sử dụng phần đất nhiều hơn kỷ phần được chia nhưng lại không buộc mẹ con bà Hội thanh toán giá trị chênh lệch cho bà Hiền là chưa phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm bà Hội, anh Huân, anh Hiếu, bà Hiền không đưa ra

được các chứng cứ và lý lẽ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ và hợp pháp. Vì vậy, yêu cầu kháng cáo của bà Hội, anh Huân, anh Hiếu, bà Hiền không được chấp nhận. Do đó có căn cứ để sửa lại bản án sơ thẩm đảm bảo quyền lợi cho bà Hiền là phù hợp.

[12] Án phí dân sự sơ thẩm: Toà án cấp sơ thẩm không buộc bà Lượm, chị Thuỷ, anh Chiêu, anh Tráng phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là còn thiếu sót, bởi vì họ không thuộc đối tượng được miễn án phí được quy định tại Điều 12 của Nghị quyết 326 của UBTVQH. Tại phiên toà phúc thẩm bà Hiền là người đại diện theo uỷ quyền của họ xin được nộp án phí thay cho họ, xét thấy việc bà Hiền nhận nộp án phí thay cho bà Lượm, chị Thuỷ, anh Chiêu, anh Tráng là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, không trái pháp luật nên được chấp nhận.

[13] Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên bà Đỗ Thị H, bà Vũ Thị H1, anh Đỗ Quang Huân, anh Đỗ Quang Hiếu không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền mà bà Hội, anh Huân, anh Hiếu đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Trục Ninh mỗi người 300.000đ theo các biên lai số 0001916 ngày 14-02-2022, số 0001929, số 0001928 ngày 08-3-2022, bà Hội, anh Huân, anh Hiếu sẽ được hoàn trả lại.

[14] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Đỗ Thị H, bà Vũ Thị H1, anh Đỗ Quang Huân, anh Đỗ Quang Hiếu. Sửa án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 26; Điều 147; Điều 148; khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357; Điều 468; Điều 611; Điều 612; Điều 613; Điều 623; Điều 649; Điều 650; Điều 651; Điều 660; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26 khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị H về việc yêu cầu chia thừa kế đối với di sản là diện tích đất 120m² và tài sản gắn liền với đất tại thửa 3183 tờ bản đồ số 7PL9 xã Trung Đông.

2. Giao cho bà Đỗ Thị H được quản lý sử dụng 60m² tại thửa 3183 tờ bản đồ số 7PL9 xã Trung Đông, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định, trị giá 90.000.000đồng, trên đất có tài sản là nhà cấp 4 xây dựng năm 1956 trị giá 38.565.000đồng, hiện nhà cấp 4 trị giá 1.752.300 đồng, tổng trị giá 130.317.300đồng (một trăm ba mươi triệu, ba trăm mười bảy nghìn, ba trăm đồng). Đất có các cạnh như sau: Cạnh Đông

giáp đường ngõ xóm dài 6.5 mét (4,3m + 2,2m); Cạnh Tây giáp thổ bà Xuy dài 6.5 mét(4,3+ 2,2m); Cạnh Nam giáp đất của bà Hội, anh Huân, anh Hiếu dài 9,7 mét; Cạnh Bắc giáp đất từ đường họ Phạm dài 8,9 mét. Bà Hiền được nhận ở mẹ con bà Vũ Thị H1, anh Đỗ Quang Huân, anh Đỗ Quang Hiếu số tiền chênh lệch chia thừa kế là 6.624.000đ (Sáu triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

3. Giao cho bà Vũ Thị H1, anh Đỗ Quang Huân, Đỗ Quang Hiếu được quản lý sử dụng 60m² tại thửa 3183 tờ bản đồ số 7PL9 xã Trung Đông, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định, trị giá 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng) có các cạnh như sau: Cạnh Đông giáp đường ngõ xóm dài 6.3 mét; Cạnh Tây giáp thổ bà Xuy dài 5.0 mét; Cạnh Nam giáp đất ông Nhất dài 10,08 mét (7,5m + 3,3m); Cạnh Bắc giáp đất bà Hiền dài 9,7 mét. Bà Hội, anh Huân, anh Huân phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Đỗ Thị H số tiền chênh lệch chia di sản thừa kế là 6.624.000đ (Sáu triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

4. Đối với tài sản là ngôi nhà ngang mái lợp tấm lắp ghép và các công trình khác xây dựng từ năm 1972 nằm trên phần đất chia cho bà Hiền, bà Hội, anh Huân, anh Hiếu giá trị sử dụng còn lại không đáng kể nên ai được chia vào phần tài sản nào thì người đó được tiếp tục quản lý, sử dụng.

(có sơ đồ phân chia quyền sử dụng đất kèm theo bản án)

5. Bà Đỗ Thị H, bà Vũ Thị H1, anh Đỗ Quang Huân, Đỗ Quang Hiếu có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để đăng ký chuyển quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án.

6. Nghĩa vụ bàn giao: Buộc bà Vũ Thị H1, anh Đỗ Quang Huân, Đỗ Quang Hiếu phải có trách nhiệm bàn giao cho bà Đỗ Thị H phần di sản thừa kế được chia diện tích 60m² thuộc thửa 3183 tờ bản đồ số 7PL9 tại xã Trung Đông, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định đang do mẹ con bà Hội, anh Huân, anh Hiếu quản lý, sử dụng.

7. Nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

8. Kiến nghị UBND huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định thu hồi giấy chứng nhận QSD đất số hiệu AO 332710 ngày 25-12-2008 mang tên Đỗ Quang Tuấn và Vũ Thị H1.

9. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Đỗ Thị H, bà Đỗ Thị M, bà Đỗ Thị H, bà Đỗ Thị Th, bà Đỗ Thị Th1, bà Lê Thị Th.

Bà Đỗ Thị H phải nộp thay cho bà Đỗ Thị L số tiền 1.167.000đ, nộp thay cho chị Đỗ Thị Th, anh Đỗ Văn Chiều, anh Đỗ Văn Tráng mỗi người 125.000đ. Tổng

cộng 1.542.000đ nhưng được đối trừ vào số tiền 5.000.000đồng bà Hiền đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0002298 ngày 24-02-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trục Ninh. Hoàn trả lại cho bà Đỗ Thị H số tiền 3.458.000đồng.

Bà Vũ Thị H1, anh Đỗ Quang Huân, anh Đỗ Quang Hiếu mỗi người phải nộp 1.389.000đồng.

10. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đỗ Thị H, bà Vũ Thị H1, anh Đỗ Quang Huân, anh Đỗ Quang Hiếu không phải nộp. Hoàn trả lại cho bà Hội, anh Huân, anh Hiếu mỗi người 300.000 đồng tại các biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0001916 ngày 14-02-2022, số 0001929, số 0001928 ngày 08-3-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Trục Ninh;
- TAND huyện Trục Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trục Ninh;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Văn Tùng

**SƠ ĐỒ VỤ ÁN TRANH CHẤP THỪA KẾ TÀI SẢN GIỮA
BÀ ĐỖ THỊ H – BÀ VŨ THỊ H1
(Kèm theo Bản án dân sự phúc thẩm số 38/2022/DS-PT ngày 31 tháng 5 năm 2022
Của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Văn Tùng